

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - L**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 05-8-2025

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hàng A Vàng

2. Bà Hoàng Thị Kim Quy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - L tham gia phiên tòa: Ông Tăng Bá Vương, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 68/2025/TLST- HNGĐ ngày 13/02/2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXX-ST ngày 23/6/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tần A L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Bản Nậm Loỏng 1, phường Q, thành phố L, tỉnh L nay là phường Đoàn Kết, tỉnh L (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Tần A S, sinh năm 1985

Địa chỉ: Bản Nậm Loỏng 1, phường Q, thành phố L, tỉnh L nay là phường Đoàn Kết, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Tần A L trình bày:*

Chị và anh Tần A S kết hôn ngày 11/8/2020 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố L, tỉnh L nay là phường Đoàn Kết, tỉnh L, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống thời gian đầu anh chị chung sống hạnh

phúc, một thời gian về sau anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, những mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng vì anh S thường xuyên đi uống rượu say về chửi mắng, đánh đập chị, có những lời lẽ khinh thường và xúc phạm chị, nhiều lần đe dọa giết chị. Mâu thuẫn vợ chồng đã rất cố gắng khắc phục, chị L đã cho anh S cơ hội để sửa chữa nhưng anh S không thay đổi được. Hiện nay anh chị đang sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị L nhận thấy tình cảm giữa chị và anh S không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tẩn A S.

Về con chung: Chị và anh Tẩn A S không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Tẩn A L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Tẩn A S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, cũng như không có văn bản trả lời ý kiến cho Tòa án biết về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Kết quả xác minh tại nơi cư trú của chị Tẩn A L và anh Tẩn A S thể hiện: Từ tháng 12 năm 2024 chị L không còn chung sống cùng anh S tại nơi cư trú.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - L có ý kiến về thủ tục tố tụng như sau: Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán được phân công, tiến hành thụ lý vụ án đúng trình tự, thủ tục và gửi thông báo thụ lý vụ án đúng thời hạn quy định; xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; thu thập chứng cứ khách quan, công khai; ra quyết định xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo. Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn được phân công. Hội đồng xét xử đã xét xử vụ án đúng nguyên tắc, thành phần. Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân thủ đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội; các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Tần A L được ly hôn anh Tần A S.

Về con chung: Chị Tần A L và anh Tần A S không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Tần A L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Tần A L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Tần A L và bị đơn anh Tần A S có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Bản Nậm Loỏng 1, phường Q, thành phố L, tỉnh L nay là phường Đoàn Kết, tỉnh L theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh L nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – L.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Tần A S đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Tần A S.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ngày ngày 11/8/2020 chị Tần A L kết hôn với anh Tần A S, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố L, tỉnh L nay là phường Đoàn Kết, tỉnh L, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau. Hiện nay anh chị đang sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh S, nhưng anh S đều từ chối nhận các văn bản tố tụng và vắng mặt không có lý do và không có ý kiến của mình về việc chị L xin ly hôn với anh, qua đó thể hiện anh S không quan tâm đến việc hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa anh S và chị L

là có mâu thuẫn và căn cứ vào kết quả xác minh của Tòa án ngày 04/6/2025 Bản Nậm Loong 1, phường Q, thành phố L, tỉnh L nay là phường Đoàn Kết, tỉnh L cho thấy: Từ tháng 12 năm 2024 chị L không còn chung sống cùng anh S tại nơi cư trú. Như vậy thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L về việc xin ly hôn với anh Tản A S.

[4] Về con chung: Chị Tản A L và anh Tản A S không có con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Tản A L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Tản A L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 1 - L là có căn cứ cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội; các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tản A L.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tản A L được ly hôn anh Tản A S.

[2] Về con chung: Chị Tản A L và anh Tản A S không có con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Tản A L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Tản A L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001096 ngày 13/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh L nay là

Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – L. Chị Tấn A L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND khu vực 1 - L;
- THADS tỉnh L;
- UBND phường Đoàn Kết, tỉnh L;
- L HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Nga

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND TP. L;
- Chi cục THADS TP.L;
- UBND thị trấn Sìn hồ,
huyện Sìn Hồ, tỉnh L;
- L HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Nga

